

Số: 1580 /GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 01 tháng 8 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 01/CV-CPYT ngày 02 tháng 03 năm 2023 của Công ty cổ phần y tế Hùng Duy về việc đề nghị thẩm định cấp giấy phép môi trường và Văn bản số 10/CV-GPMT/2023 ngày 26 tháng 06 năm 2023 về việc chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường Bệnh viện đa khoa Hồng Hưng – giai đoạn 1, quy mô 300 giường bệnh tại địa chỉ số 187 Phạm Văn Đồng, Khu phố Hiệp Long, Phường Hiệp Tân, Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5030./TTr-STNMT ngày 12/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần y tế Hùng Duy được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Bệnh viện đa khoa Hồng Hưng, giai đoạn 1, quy mô 300 giường bệnh tại địa chỉ số 187 Phạm Văn Đồng, Khu phố Hiệp Long, Phường Hiệp Tân, Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện đa khoa Hồng Hưng, giai đoạn 1, quy mô 300 giường bệnh.

1.2. Địa chỉ thực hiện: số 187 Phạm Văn Đồng, Khu phố Hiệp Long, Phường Hiệp Tân, Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 3901250811 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 10 năm 2017, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 29 tháng 03 năm 2022

và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 7150360034 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp, chứng nhận lần đầu ngày 06 tháng 03 năm 2018.

1.4. Mã số thuế: 3901250811

1.5. Loại hình cơ sở: Bệnh viện đa khoa.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

1.6.1. Quy mô: bệnh viện thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.6.2. Tổng diện tích: 39.620,7 m².

1.6.3. Công suất: 300 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần y tế Hùng Duy:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần y tế Hùng Duy có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc tại trụ sở UBND phường Hiệp Tân; thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường.

2.3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.5. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác

dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**, kể từ ngày ký.

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 941/QĐ-UBND ngày 23 tháng 04 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân thị xã Hoà Thành và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- UBND thị xã Hoà Thành;
- Công ty CP y tế Hùng Dục;
- UBND phường Hiệp Tân;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

12

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH,



Trần Văn Chiến

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4580./GPMT-UBND
ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt của bệnh nhân và cán bộ, nhân viên, lưu lượng 111,09 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 02: nước thải từ hoạt động giặt quần áo, lưu lượng 17,66 m³/ngày.
- Nguồn số 03: nước thải từ hoạt động nhà bếp, căn tin, lưu lượng 13,75 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 04: nước thải vệ sinh dụng cụ thiết bị y tế, lưu lượng 0,1 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 05: nước thải từ thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm số 1, 2, 3 lưu lượng 0,225 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận:

Nguồn số 01, nguồn số 02, nguồn số 03, nguồn số 04 và nguồn số 05 được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 400 m³/ngày.đêm của Dự án để xử lý sau đó được chảy ra đường ống PVC Ø 220mm, đặt cách mặt đất 0,5m dài khoảng 223m ra cống thoát nước chung của khu vực trên đường Phạm Văn Đồng chảy về kênh Servin, điểm tiếp nhận cuối cùng rạch Tây Ninh (thuộc hệ thống sông Vàm Cỏ Đông), phường Hiệp Tân, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: cống thoát nước chung của khu vực trên đường Phạm Văn Đồng chảy về kênh Servin, điểm tiếp nhận cuối cùng rạch Tây Ninh (thuộc hệ thống sông Vàm Cỏ Đông), phường Hiệp Tân, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh.

2.3. Vị trí xả nước thải:

- 01 hố ga đầu nối nước thải vào cống thoát nước của khu vực trên đường Phạm Văn Đồng, phường Hiệp Tân, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 567452; Y = 1248566 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiếu 3⁰).

- Điểm xả nước thải vào cống thoát nước của khu vực phải có biển báo, có sàn công tác diện tích tối thiểu là 01 m² và có lối đi để thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 112,83m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: nước thải sau xử lý tự chảy ra cống thoát nước

chung của khu vực trên đường Phạm Văn Đồng bằng đường ống PVC Ø 220mm, đặt cách mặt đất 0,5m dài khoảng 223m.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: xả liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải sau xử lý xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế - QCVN 28:2010/BTNMT cột A, hệ số K = 1,0, cụ thể như sau:

TT	Tên chất	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6,5 – 8,5	06 tháng/lần
2	TSS	mg/l	60	
3	BOD ₅	mg/l	36	
4	COD	mg/l	60	
5	Sunfua	mg/l	1,2	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6	
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36	
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	7,2	
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12	
10	Tổng Coliform	mg/l	3.000	
11	Shigella	VK/100ml	KPH	
12	Vibro cholerae	VK/100ml	KPH	
13	Salmonella	VK/100ml	KPH	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, cán bộ, nhân viên tại Bệnh viện phát sinh với lưu lượng lớn nhất là 111,09 m³/ngày.đêm được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, có 7 bể tự hoại, gồm: 04 bể có thể tích 70 m³/bể và 03 bể có thể tích 17,4 m³. Nước thải sinh hoạt sau các bể tự hoại theo đường ống thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải của Bệnh viện có công suất xử lý 400 m³/ngày.đêm theo phương án nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột A với hệ số K=1,0.

- Nước thải từ hoạt động nhà bếp căn tin phát sinh với lưu lượng lớn nhất là 13,75 m³/ngày được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ có thể tích 7 m³, sau đó theo đường ống thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải của Bệnh viện.

- Nước thải từ hoạt động giặt quần áo phát sinh với lưu lượng lớn nhất là 17,66 m³/ngày.đêm được thu gom về hệ thống xử lý nước thải của Bệnh viện.

- Nước thải vệ sinh dụng cụ, thiết bị y tế phát sinh với lưu lượng lớn nhất là 0,1

m³/ngày được thu gom về hệ thống xử lý nước thải của Bệnh viện.

- Nước thải từ thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm số 1, 2, 3 phát sinh với lưu lượng lớn nhất là 0,225 m³/ngày được thu gom về hệ thống xử lý nước thải của Bệnh viện.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Tóm tắt quy trình xử lý, đầu nổi nước thải:

- Nước thải sinh hoạt tại các khu nhà vệ sinh → bể tự hoại 03 ngăn → hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện có công suất xử lý 400 m³/ngày.đêm.

- Nước thải từ nhà bếp căn tin → bể tách mỡ → hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện có công suất xử lý 400 m³/ngày.đêm.

- Nước thải từ hoạt động giặt quần áo → hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện có công suất xử lý 400 m³/ngày.đêm.

- Nước thải vệ sinh dụng cụ, thiết bị y tế → hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện có công suất xử lý 400 m³/ngày.đêm.

- Nước thải từ thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm số 1, 2, 3 → hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện có công suất xử lý 400 m³/ngày.đêm.

Nước thải (nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại, nước thải từ nhà bếp căn tin sau bể tách dầu, nước thải từ hoạt động giặt quần áo, nước thải vệ sinh dụng cụ, thiết bị y tế, nước thải từ thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm) → hệ thống xử lý nước thải của Bệnh viện có công suất xử lý 400m³/ngày.đêm.

Hệ thống xử lý nước thải của Bệnh viện có quy trình công nghệ như sau: nước thải → bể thu gom 1, 2, 3 → bể điều hòa → bể kỵ khí → bể MBBR 1 → bể MBBR 2 → bể lắng → bể lọc → bể khử trùng.

Đầu nổi nước thải: nước thải của Bệnh viện sau xử lý đầu nổi vào hệ thống đường cống thoát nước chung của khu vực nằm trên đường Phạm Văn Đồng bằng đường ống PVC Ø 220mm đặt cách mặt đất 0,5m dài khoảng 223m.

Hóa chất sử dụng: Chlorine.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Bể tự hoại, có 07 bể: 04 bể thể tích 70 m³/bể, kích thước mỗi bể 10m x 2,8m x 2,5m; 03 bể thể tích 17,4 m³/bể, kích thước bể 5,8m x 2,0m x 1,5m; kết cấu vật liệu bê tông cốt thép.

- 01 bể tách mỡ có thể tích 7 m³, kích thước bể 2,2m x 1,8m x 1,8m, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép.

- Hệ thống xử lý nước thải của Bệnh viện có công suất xử lý 400 m³/ngày.đêm gồm: 10 bể, có kết cấu vật liệu bê tông cốt thép cụ thể như sau: 03 bể thu gom kích thước 3,5m x 3,5m x 3,7m (02 bể) và 1,5m x 1,5m x 1,7m (01 bể); 01 bể điều hòa kích thước 5,8m x 3,2m x 4,2m; 01 bể kỵ khí kích thước 8,9m x 4,1m x 3,7m; 01 bể MBBR 1 kích thước 7,5m x 3,5m x 4,2m; 01 bể MBBR 2 kích thước 7,5m x 3,5m x 4,2m; 01 bể lắng kích thước 4,9m x 4,9m x 4,2m; 01 bể lọc kích thước 2,4m x 2,35m x 4,2m; 01 bể khử trùng kích thước 2,4m x 2,35m x 4,2m.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống thu gom nước thải.
- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.
- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các máy móc, thiết bị và các hạng mục của hệ thống xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời; bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị.
- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này phải ngừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận và lưu chứa nước thải tại bể phòng ngừa sự cố có thể tích 43,12 m³ để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.
- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý; vận hành hệ thống theo đúng quy trình, kỹ thuật đã xây dựng; lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Bệnh viện bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A phụ lục này trước khi tái sử dụng và xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào, đầu ra. Thường xuyên kiểm định, hiệu chuẩn đồng hồ đo lưu lượng theo quy định; có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Dấu nổi và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Bệnh viện.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nhân lực, nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Bệnh viện đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột A, hệ số K =1,0 trước khi xả thải ra môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường. *Ngj*

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 15.80/GPMT-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: bụi, khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng, công suất 750 KVA (sử dụng nhiên liệu là dầu DO), chỉ hoạt động khi có sự cố mất điện.
- Nguồn số 02: bụi từ hoạt động của thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm số 1 có công suất xử lý 30 kg/mẻ, thời gian hấp 30 – 45 phút/mẻ.
- Nguồn số 03: bụi từ hoạt động của thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm số 2 có công suất xử lý 30 kg/mẻ, thời gian hấp 30 – 45 phút/mẻ.
- Nguồn số 04: bụi từ hoạt động của thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm số 3 có công suất xử lý 30 kg/mẻ, thời gian hấp 30 – 45 phút/mẻ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả bụi, khí thải:

2.1. Vị trí xả bụi, khí thải:

- Dòng khí thải số 01: tại ống thải của máy phát điện dự phòng có công suất 750 KVA, sử dụng nhiên liệu là dầu DO hoạt động khi có sự cố mất điện. Tọa độ vị trí xả thải như sau: X = 564840; Y = 1250782.
- Dòng khí thải số 02: van xả khí của thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm số 1. Tọa độ vị trí xả khí thải như sau: X = 567555; Y = 1248703.
- Dòng khí thải số 03: van xả khí của thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm số 2. Tọa độ vị trí xả khí thải như sau: X = 567557; Y = 1248707.
- Dòng khí thải số 04: van xả khí của thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm số 3. Tọa độ vị trí xả khí thải như sau: X = 567559; Y = 1248706.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°)

2.2. Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: tại ống thải của máy phát điện dự phòng, lưu lượng khí thải lớn nhất là $7.896 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng khí thải số 02: van xả khí của thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm số 1, lưu lượng khí thải lớn nhất là $0,32 \text{ m}^3/\text{mẻ}$, ngày hoạt động 5 mẻ.
- Dòng khí thải số 03: van xả khí của thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm số 2, lưu lượng khí thải lớn nhất là $0,30 \text{ m}^3/\text{mẻ}$, ngày hoạt động 5 mẻ.
- Dòng khí thải số 04: van xả khí của thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm số 3, lưu lượng khí thải lớn nhất là $0,30 \text{ m}^3/\text{mẻ}$, ngày hoạt động 5 mẻ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Đối với dòng khí thải số 01: khí thải được xả ra môi trường thông qua ống thải, xả liên tục khi vận hành máy phát điện.

- Đối với dòng khí thải số 02, 03, 04: khí thải được xả ra môi trường thông qua van xả khí, mỗi mẻ hấp xả 1 lần, xả trước khi lấy chất thải sau xử lý ra ngoài thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ - QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với hệ số $K_p = 1$, $K_v = 0,8$ trước khi xả thải ra môi trường; bụi khu vực sản xuất phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

Đối với dòng khí thải số 02, 03, 04: thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm, hiệu quả xử lý của lò hấp y tế phải bảo đảm Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm QCVN 55:2013/BTNMT và khí thải phát sinh từ thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm phải bảo đảm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ - QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với hệ số $K_p = 1$, $K_v = 0,8$ trước khi xả thải ra môi trường

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	P < 20.000	Không áp dụng	Không áp dụng
2	Bụi	mg/Nm ³	160		
3	NO _x	mg/Nm ³	680		
4	SO ₂	mg/Nm ³	400		
5	CO	mg/Nm ³	800		

* Định kỳ thay thế bộ lọc khí HEPA của thiết bị hấp chất thải y tế sau 6 tháng hoặc 1000 chu trình (tuỳ mức độ sử dụng) theo đúng hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng của thiết bị.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu dầu diesel để vận hành máy phát điện công suất 750 KVA khi có sự cố mất điện được thu gom thoát ra ngoài môi trường theo đường ống Ø 114mm cao 15m, vật liệu Inox SUS304, độ dày 2mm.

- Thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm số 1, 2, 3 có gắn thiết bị lọc bụi hiệu suất cao đồng bộ với thiết bị hấp, khí thải qua thiết bị lọc xả ra môi trường bằng van xả làm bằng ống thép không gỉ, chịu nhiệt Ø ½ inch (12,7 mm) cao 0,5m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng thu gom về ống thải của máy phát điện, xả trực tiếp ra môi trường (máy phát điện dự phòng chỉ vận hành khi có sự cố mất điện).

- Thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm có gắn thiết bị lọc bụi hiệu suất cao (HEPA), thực hiện lọc qua 02 cấp: lọc cấp một bằng màng sợi lọc sơ cấp làm từ nhựa tổng hợp để lọc các hạt bụi có kích thước lớn trên 10 μ m; lọc cấp hai bằng màng lọc làm từ sợi thủy tinh có đường kính 0,5 đến 2,0 μ m được sắp xếp ngẫu nhiên để lọc các hạt bụi có kích thước từ 0,2 μ m đến 10 μ m nhờ kết hợp 3 cơ chế khuếch tán, chặn và va chạm trong khi lọc. Quy trình công nghệ xử lý khí thải từ quá trình hấp chất thải y tế lây nhiễm như sau: khí thải \rightarrow thiết bị lọc khí \rightarrow van xả khí.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra các thiết bị thường xuyên.

- Đào tạo đội ngũ công nhân viên nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi có sự cố xảy ra.

- Khi xảy ra sự cố sẽ ngừng hoạt động tìm nguyên nhân, khắc phục sự cố kịp thời.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/ND-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Bệnh viện bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thường xuyên kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm theo quy định; có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2. Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.4. Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại giấy phép này ra môi trường. *ly*

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1580./GPMT-UBND
ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: phát sinh từ quá trình hoạt động của 01 máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 2: phát sinh từ quá trình hoạt động của các máy bơm tại hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 3: phát sinh từ quá trình hoạt động của các máy giặt tại phòng giặt đồ.

- Nguồn số 4: phát sinh từ hoạt động quạt hút mùi số 1 khu vực nấu ăn
- Nguồn số 5: phát sinh từ hoạt động quạt hút mùi số 2 khu vực nấu ăn

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: X = 567412; Y = 1248779.
- Nguồn số 2: X = 567571; Y = 1248737.
- Nguồn số 3: X = 567406; Y = 1248779.
- Nguồn số 4: X = 567423; Y = 1248751.
- Nguồn số 5: X = 567432; Y = 1248747.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: bố trí các máy móc hợp lý; các máy móc thiết bị phục vụ sản xuất được bảo trì bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh), thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị có phát sinh độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1580/GPMT-UBND
ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn/lỏng	18.900	13 01 01
2	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	3.240	13 01 02
3	Dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	Rắn/lỏng	1.250	13 01 03
4	Chất hàn răng amalgam thải bỏ	Rắn	1.180	13 01 04
5	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (nhiệt kế, huyết áp kế,...)	Rắn	2.430	13 03 02
6	Các loại dầu mỡ thải	Rắn/lỏng	30	16 01 08
7	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNII) thải	Rắn	300	18 01 01
8	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNII) thải	Rắn	100	18 01 03
9	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNII) hoặc chứa áp suất chưa đảm bảo rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang thải	Rắn	100	18 01 02
10	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	20	16 01 06
11	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng NH)	Rắn	20	16 01 13
12	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải y tế	Bùn/lỏng	10.000	03 05 10

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
13	Pin, ắc quy thải	Rắn	12	16 01 12
14	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	Rắn	88	18 01 04
Tổng khối lượng			37.350	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)	Mã CT
1	Giấy vào bao bì giấy carton thải bỏ	21,6	18 01 05
2	Nhựa (<i>Chai nhựa</i>)	26,8	14 01 11
3	Thủy tinh (<i>Chai thủy tinh không nhiễm thành phần nguy hại</i>)	32,4	12 08 07
4	Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm (khuôn bó bột, quần áo dùng 1 lần...)	36,5	13 01 05
Tổng khối lượng		117,3	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	100,38

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải y tế lây nhiễm, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải y tế lây nhiễm:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng chứa có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích 100 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa chất thải nguy hại: có tường tôn bao quanh, nền bê tông có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị

dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xèng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.1.3. Biện pháp xử lý:

- Đối với chất thải nguy hại: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải y tế lây nhiễm: lắp đặt 03 thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm có công suất xử lý 30kg/m³, thời gian hấp 30 – 45 phút/m³, chất thải sau xử lý Công ty vận chuyển đến nhà máy xử lý rác thải bằng xe chuyên dụng (loại phương tiện: ô tô chở rác), biển số xe: 70C-168.47; kích thước lòng thùng xe: 1439/1400x1750x1305mm; khối lượng xe: 3200kg; khối lượng hàng chuyên chở theo thiết kế: 1600/1600kg. Chỉ thực hiện vận chuyển chất thải y tế lây nhiễm đi xử lý sau khi đã được xử lý qua thiết bị hấp chất thải y tế và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định (không thực hiện vận chuyển của đơn vị khác).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng chứa có nắp đậy, túi ni lông tổng hợp

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 50 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: có tường gạch bao quanh, mái tôn, nền bê tông có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

2.2.3. Biện pháp xử lý

Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng chứa có nắp đậy.


2.3.1. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 50 m².

- Thiết kế, cấu tạo: có mái che, nền bê tông, có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

2.3.3 Biện pháp xử lý:

- Công ty vận chuyển rác thải sinh hoạt đến nhà máy xử lý rác thải bằng xe chuyên dụng (loại phương tiện: ô tô chở rác), biển số xe: 70C-168.47; kích thước lòng thùng xe: 1439/1400x1750x1305mm; khối lượng xe: 3200kg; khối lượng hàng chuyên chở theo thiết kế: 1600/1600kg. Chỉ thực hiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong khuôn viên Bệnh viện của Công ty đi xử lý (không thực hiện vận chuyển của đơn vị khác).

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định. 

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Liên hệ Sở Kế hoạch và Đầu tư bổ sung chức năng, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường; và đăng ký các phương tiện vận chuyển tại Sở Giao thông Vận tải.

2. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải và trách nhiệm của đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo theo yêu cầu quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

2. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

3. Đầu tư thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm đáp ứng theo quy định kỹ thuật tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm - QCVN 55:2013/BTNMT.

4. Đảm bảo bố trí đủ nhân lực, nguồn lực, thiết bị để vận hành thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm hiệu quả, phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: khối lượng (dầu vào, dầu ra), thành phần xử lý, các thông số đặc trưng của chất thải dầu vào và dầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ, nhiệt độ buồng hấp, áp suất buồng hấp, thời gian hấp; thời gian bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

5. Thiết kế, cải tạo kho chứa hóa chất phải đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 4 Nghị định số 11/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và các yêu cầu về kho chứa hóa chất quy định tại mục 5 QCVN 05:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

6. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124 và Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường.

7. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (Kèm theo Giấy phép môi trường số 1580/GPMT-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; thu gom, xử lý nước thải của Bệnh viện đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế - QCVN 28:2010/BTNMT, cột A, hệ số K=1,0. Tuyệt đối không được xả nước thải xử lý chưa đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

3. Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí phát sinh từ hoạt động sản xuất của Bệnh viện đảm bảo xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT với các hệ số $K_p = 1,0$ và $K_v = 0,8$ và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

4. Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

5. Thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm phải đáp ứng các quy định kỹ thuật tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm - QCVN 55:2013/BTNMT.

6. Chỉ thực hiện vận chuyển chất thải y tế lây nhiễm sau khi đã được xử lý qua thiết bị hấp chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong khuôn viên Bệnh viện của Công ty (không thực hiện vận chuyển của đơn vị khác).

7. Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy

định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

8. Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải, bụi, khí thải, sự cố hóa chất đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

9. Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Bệnh viện theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.

10. Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện Bệnh viện đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

11. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

12. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

13. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

14. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

15. Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên. /.../